

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-PT.

Ngày: 05/04/2019

V/v: “Tranh chấp kiện đòi tài
sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc

Bà Trần Thị Hà

Thư ký phiên toà: Ông Dương Đình Hưng, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 05/04/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2019/TLPT- DS ngày 30 tháng 01 năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Việt Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2019/QĐ-PT ngày 18/3/2019 giữa:

-Nguyên đơn: Ông Dương Thanh H, sinh năm 1944 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1947 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Do ông Vũ Văn H1, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã đại diện. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Thân Đức S, sinh năm 1984 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Thân Đức S, sinh năm 1984, Trưởng thôn B (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1942

Ủy quyền cho ông Dương Thanh H tham gia tố tụng (Ông H có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/11/2016 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Dương Thanh H trình bày:

Ông và ông Nguyễn Văn T là hàng xóm cùng thôn với nhau. Năm 1996, Hợp tác xã B có bàn bạc làm đường điện cao thế, hạ thế để đưa điện về với dân trong thôn. Ông có đứng ra nhận làm công trình đường điện đó với giá 80.000.000 đồng nhưng các bên chỉ có nói miệng với nhau chứ chưa ứng hay thanh toán gì với nhau. Tuy nhiên sau khi vào thi công, ông đã bán lại công trình đó cho người khác. Hợp tác xã có biết về việc này. Do thời điểm đó HTX B hạn hẹp về kinh tế nên đã vận động người dân trong thôn ai có tiền thì cho Hợp tác xã vay để làm đường điện. Ngày 17/11/1996, ông có trực tiếp mang tiền đến cho ông T (khi đó là bí thư kiêm thủ quỹ) nhận và viết giấy biên nhận với ông số tiền 7.000.000 đồng. Khi giao tiền có cả ông C là trưởng thôn và ông P là kế toán kiêm phó thôn biết nhưng không có ý kiến gì. Khi cho vay, hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất là 2%/01 tháng, không thỏa thuận về thời hạn mà chỉ thỏa thuận khi nào thôn làm xong đường điện sẽ thanh toán trả ông cả gốc và lãi. Năm 1996, HTX thu sản của gia đình ông, ông T đã viết giấy biên nhận trong đó tính lãi là 140.000 đồng. Điều đó khẳng định là ông T có vay của ông 7.000.000 đồng cho HTX lúc bấy giờ. Ông xác định số tiền 7.000.000 đồng là ông cho HTX B vay.

Ngoài ra, ngày 13/8/2000, máy biến thế của thôn B bị cháy, người dân trong thôn không có tiền sửa máy nên HTX lại vận động người dân ai có tiền thì cho HTX vay. Ông đã đứng ra cho ông T vay là 4.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 2 tháng. Khi cho vay ông T là người trực tiếp viết giấy có sự chứng kiến của ông L là thủ quỹ (đã chết). Ông xác định khoản tiền trên là khoản vay của cá nhân ông T chứ không phải của HTX B. Việc ông T vay cho HTX hay cho ai ông không biết. Kể từ khi vay đến nay chưa trả được cho ông đồng nào. Nay ông yêu cầu ông T phải trả ông tổng số tiền gốc là 11.000.000 đồng và lãi.

Trong quá trình làm việc, ngày 27/3/2018 ông có đơn xin rút yêu cầu đối với khoản vay 7.000.000 đồng của HTX B và không yêu cầu HTX phải trả ông số tiền 7.000.000 đồng nữa. Nay ông chỉ yêu cầu ông T trả ông số tiền gốc 4.000.000 đồng và số tiền lãi kể từ ngày 13/8/2000 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và ông Dương Thanh H là người cùng thôn với nhau. Năm 1996, ông làm Bí thư kiêm thủ quỹ thôn B, ông C làm trưởng thôn, ông P làm kế toán kiêm phó thôn. Cùng năm đó, chính quyền thôn B bàn bạc thống nhất làm trạm biến thế để đưa đường điện về thôn. Ông H đứng ra nhận làm công trình trạm biến thế đó. Theo thỏa thuận thì ông H phải nộp tiền đặt cọc khi nhận công trình là 7.000.000

đồng, tránh trường hợp ông H bỏ ngang chừng không làm. Ông là thủ quỹ lúc bấy giờ nên là người đứng ra nhận tiền của ông H. Khi nhận tiền, ông có viết giấy biên nhận cho ông H vào ngày 17/11/1996, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/ 1 tháng. Khi nào ông H hoàn thành công trình biến thế của thôn thì HTX có trách nhiệm đứng ra thanh toán cho ông H tiền công trình, tiền đặt cọc và tiền lãi. Tuy nhiên, ông xác định số tiền 7.000.000 đồng là khoản tiền đặt cọc của ông H đầu thầu tiền làm đường điện biến thế của thôn chứ không phải số tiền ông vay của cá nhân ông H. Thực tế khi làm đường điện thôn B xong thì kế toán thôn là ông Phong đã thanh toán đầy đủ số tiền công trình biến thế trên cùng tiền đặt cọc là 7.000.000 đồng và tiền lãi cho ông H. Vì vậy, ông xác định cá nhân ông không vay của ông H số tiền trên và xác nhận thôn B cũng đã thanh toán xong cho ông H số tiền trên.

Đến năm 2000, ông là chủ nhiệm HTX B, ban lãnh đạo HTX lúc đó gồm ông Dương Thanh H làm trưởng ban kiểm soát, ông Dương Văn Báu làm kế toán, ông Trần Văn L làm thủ quỹ (đã chết). Thời điểm đó, trạm biến thế bị cháy nên thôn B phải thuê sửa chữa. Ban lãnh đạo triển khai kế hoạch thu tiền của dân, mỗi đầu người từ 18 tuổi trở lên nộp 100.000 đồng để trả tiền sửa chữa trạm biến thế. Tuy nhiên, do số hộ nghèo, tàn tật trong thôn khoảng 20 hộ không có tiền đóng nên thiếu tiền để trả tiền sửa chữa biến thế nên HTX và thôn cùng nhau thống nhất huy động người dân trong thôn ai có tiền thì cho HTX vay. Ông H đứng ra cho HTX vay 4.000.000 đồng. Khi cho vay, ông là người viết giấy và ký nhận có sự chứng kiến của ông Lùng, lãi suất cho vay là 2%/1 tháng, thời hạn vay là 2 tháng. Ông xác định đây là khoản tiền vay của HTX thôn B chứ không phải của cá nhân ông. Nội dung thỏa thuận vay mà ông có ký kết vào giấy vay tiền với ông H đều có sự thông qua, nhất trí của ban lãnh đạo thôn, cấp ủy thôn. Tháng 3/2001, do sức khỏe yếu nên ông xin nghỉ làm chủ nhiệm HTX và ông Dương Ngô B làm chủ nhiệm thay. Ông đã bàn giao toàn bộ công việc, giấy tờ, sổ sách và sổ dư nợ của thôn cho ông B (bao gồm cả số tiền HTX nợ ông H). Từ năm 2001 đến nay, ông không nắm được việc giải quyết về số tiền nợ ông H như thế nào. Nay ông H rút yêu cầu đối với khoản tiền 7.000.000 đồng ông hoàn toàn nhất trí. Đối với khoản tiền 4.000.000 đồng sau khi thôi làm chủ nhiệm HTX B ông đã bàn giao toàn bộ lại cho ông B nên đến nay ông không có liên quan gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-UBND xã V, huyện V do ông Thân Đức S đại diện theo ủy quyền trình bày: Hiện nay số tiền ông Nguyễn Văn T vay của ông Dương Thanh H ngày 13/8/2000 cho Hợp tác xã B đã được bàn giao cho thôn B quản lý. Số tiền thực tế khi bàn giao là 3.732.000 đồng (do trong số tiền vay 4.000.000 đồng đã trừ đi số tiền gia đình ông H phải nộp). Nếu ông H nhất trí UBND xã V sẽ yêu cầu thôn B trả ông số tiền trên, còn nếu ông H không nhất trí thì ông không có quyền được đòi lại thôn số tiền trên.

-Ông Thân Đức S là Trưởng thôn B trình bày: Ông hiện đang là trưởng thôn B nhiệm kỳ 2014 – 2019. Ông có nhận bàn giao từ Ban lãnh đạo thôn cũ công nợ của thôn đối với ông Dương Thanh H, cụ thể sau khi kiểm tra sổ sách ông thấy có

khoản nợ của thôn đối với ông Dương Thanh H là 3.732.000 đồng. Ông xác định ông T vay của ông H số tiền theo giấy vay ngày 13/8/2000 là vay cho Hợp tác xã B (nay là thôn B) chứ không phải là khoản vay của cá nhân ông T. Nếu ông H đồng ý, ban lãnh đạo thôn B sẽ trả ông H số tiền trên, còn nếu ông H không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Bà Hoàng Thị V trình bày: Bà không liên quan gì đến việc ông H cho ông T vay tiền. Vì lý do tuổi cao bà xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, hòa giải và xét xử tại Tòa án.

-Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Năm 2000 chồng bà ông Nguyễn Văn T là chủ nhiệm HTX B. Được sự thống nhất của Ban lãnh đạo HTX và Ban chi ủy, ông T đã vay ông Dương Thanh H 4.000.000 đồng cho HTX để xây dựng đường điện hạ thế và mua máy biến thế cung cấp điện cho nhân dân trong thôn. Khi đó, ông Nguyễn Văn L (đã chết) là thủ quỹ đã ký nhận và nhập quỹ chi tiêu cho tập thể nên gia đình bà không liên quan gì đến số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H vẫn giữ yêu cầu của mình, cụ thể ông yêu cầu ông T phải trả ông số tiền 4.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng từ ngày 13/8/2000 đến năm 2005. Từ năm 2006 cho đến khi xét xử sơ thẩm thì theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước còn đối với số tiền 7.000.000 đồng, ông đã có đơn xin rút yêu cầu từ tháng 3/2018, đến nay ông không yêu cầu giải quyết đối với số tiền 7.000.000 đồng.

Ông xác định, thời điểm ông cho ông T vay khi đó ông T là chủ nhiệm HTX B còn ông là trưởng Ban kiểm soát, ông T vay ông tiền khi máy biến thế của thôn bị cháy, cần phải sửa chữa. Ông biết ông T vay cho HTX, còn ông T có đưa cho HTX hay không thì ông không biết. Hết thời hạn vay ông có đòi ông T, sau đó ông cũng đòi cả HTX. Tuy nhiên đến nay ông xác định ông cho ông T vay với tư cách cá nhân chứ không cho HTX vay (nay là thôn B vay) nên ông yêu cầu ông T phải trả ông số tiền gốc là 4.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng từ ngày 13/8/2000 đến năm 2005. Từ năm 2006 cho đến khi xét xử sơ thẩm thì theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước kể cả lãi quá hạn.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Ông xác nhận ông không vay tiền của ông H với tư cách là cá nhân ông vay mà ông vay cho HTX B (khi đó ông làm chủ nhiệm HTX B). Việc ông vay ông H để sửa chữa biến thế của thôn bị cháy, nỗ nhưng chưa thu được tiền trong dân để trả. Ông vay ông H có sự đồng ý của Ban lãnh đạo HTX và có xin ý kiến của chi bộ (do ông T2 là Bí thư chi bộ). Ngoài khoản vay ông H, HTX còn vay của cả ông Y nhưng số tiền vay ông Y HTX đã trả. Khi vay có viết giấy biên nhận, có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Việc ông vay ông H là vay cho HTX B chứ không phải là cá nhân ông vay ông H (có phiếu biên nhận nộp tiền vào HTX) nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà biết ông T vay tiền của ông H nhưng là vay cho HTX B vì thời điểm đó ông T làm chủ nhiệm HTX B. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông H vì ông T không vay tiền mang về nhà nên không phải là khoản vay của cá nhân ông T.

UBND xã V, anh Thân Đức S, bà Hoàng Thị V xin xét xử vắng mặt do vậy HĐXX công bố lời khai của UBND xã V, anh Thân Đức S, bà Hoàng Thị V. Ông H, ông T, bà T1 không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã xử :

Căn cứ: Khoản 2 điều 26, điều 35; điều 39; điều 147; Điều 217; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 2 Nghị quyết 103/2015/QH ngày 25/11/2015 của Quốc Hội.

Điều 467 Bộ luật dân sự 1995. Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh H yêu cầu Ông Nguyễn Văn T phải trả ông 4.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng từ ngày 13/8/2000 đến năm 2005. Từ năm 2006 cho đến khi xét xử sơ thẩm thì theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước và lãi quá hạn.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Dương Thanh H yêu cầu Ông Nguyễn Văn T trả ông số tiền 7.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22/11/2018, ông Dương Thanh H là nguyên đơn kháng cáo và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Dương Thanh H là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Ông Dương Thanh H trình bày: giữ nguyên yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: giữ nguyên yêu cầu.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Thanh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Dương Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét đơn kháng cáo của ông Dương Thanh H thì thấy:

[1]. Về thời hiệu khởi kiện hợp đồng dân sự: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 là 03 năm kể từ ngày người yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp của mình pháp bị xâm phạm. Ông Dương Thanh H xác định cho Ông Nguyễn Văn T vay 4.000.000 đồng năm 2000, đến năm 2017 ông H mới khởi kiện ông T. Như vậy thời hiệu khởi kiện hợp đồng vay tài sản là đã hết, ông H chỉ có quyền đòi lại tài sản. Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 103/2015 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội đã quy định “Đối với các tranh chấp phát sinh trước

ngày 01/01/2017 thì áp dụng quy định về thời hiệu tại Điều 159 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2011”. Theo quy định tại Điều 159 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì “Đối với tranh chấp về đòi lại tài sản thì không áp dụng về thời hiệu khởi kiện”. Do vậy trường hợp này không áp dụng về thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Ông H khởi kiện yêu cầu ông T phải trả ông số tiền vay là 4.000.000 đồng và lãi suất. Tuy nhiên, việc ông H khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản là đã hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu tính lãi của ông H trong trường hợp này là không có căn cứ, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “kiện đòi tài sản” nên theo quy định của khoản 2 điều 26, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[3]. Về pháp luật áp dụng và nội dung tranh chấp:

Ông H khởi kiện yêu cầu ông T trả ông số tiền 4.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng từ ngày 13/8/2000 đến năm 2005. Từ năm 2006 cho đến khi xét xử sơ thẩm thì theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước. Ông T không đồng ý trả ông H số tiền trên và lãi suất vì ông xác định khoản vay đó là ông vay cho HTX B và có bàn giao lại khi ông không làm và đến nay thôn B vẫn đang quản lý số tiền trên, ông H xác định đó là khoản vay cá nhân ông T do vậy luật nội dung để áp dụng giải quyết đối với vụ án này là Bộ luật dân sự 1995.

Về nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy vay tiền đề ngày 13/8/2000 thể hiện việc ông T vay số tiền 4.000.000 đồng là vay cho Hợp tác xã thôn B, trong giấy vay có chữ ký của ông H, ông T và của ông L là thủ quỹ, cụ thể “Tôi Nguyễn Văn T xin vay cho HTX của ông Dương Thanh H...”. Sau khi vay số tiền 4.000.000 đồng, ông T đã đem nộp số tiền trên vào quỹ của Hợp tác xã thôn cụ thể tại Phiếu thu số 05 ngày 12/9/2000 với nội dung: “Họ tên người nộp tiền: ông Dương Văn H. Lý do nộp: Cho HTX vay để trả tiền sửa máy biến áp. Số tiền: 4.000.000 đồng. Thủ trưởng đơn vị: ông T ký. Kế toán trưởng: ông B ký. Thủ quỹ: ông L ký”. Qua xác minh với ông Dương Văn B nguyên kế toán HTX B năm 2000, ông Lý Hữu T2 nguyên bí thư chi bộ thôn B năm 2000, ông Nguyễn Minh Y là người cùng cho HTX B vay tiền năm 2000 và tại các biên bản ghi lời khai, hòa giải của ông S trưởng thôn B hiện nay đều khẳng định việc ông T vay số tiền 4.000.000 đồng là vay cho Hợp tác xã của thôn B, khoản nợ này đã được bàn giao lại qua các thời kì lãnh đạo thôn B khác nhau và hiện nay thôn B vẫn còn nợ ông H, nay nếu ông H nhất trí thì chính quyền thôn sẽ đứng ra trả lại cho ông H số tiền còn nợ trên. Do vậy, có đủ căn cứ để khẳng định việc ông T vay số tiền trên của ông H là ông T đứng ra vay cho Hợp tác xã B (nay là thôn B) chứ không phải vay cho cá nhân ông T và hiện nay số tiền đó do lãnh đạo thôn B đang quản lý chứ ông T không quản lý. Tuy nhiên, ông xác định không cho HTX B (nay là thôn B) vay mà chỉ cho cá nhân ông T vay nên nay ông chỉ yêu cầu ông T trả lại cho ông số tiền 4.000.000 đồng và lãi suất là không có căn cứ, không đúng chủ thể nên không chấp nhận yêu cầu của ông H đòi ông T phải trả số tiền 4.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng từ ngày 13/8/2000 đến năm 2005. Từ năm 2006 cho đến khi xét xử sơ thẩm thì theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước và lãi quá hạn.

Tòa cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông H như vậy là có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm ông Dương Thanh H không có chứng cứ gì thêm nên không có căn cứ nào để chấp nhận kháng cáo của ông H.

[4]. Đối với số tiền 7.000.000 đồng ông Dương Thanh H khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Văn T phải trả ông. Ngày 27/3/2018, ông H có đơn xin rút đối với yêu cầu này và tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu của mình. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, ông T đồng ý với việc rút yêu cầu đó nên cần căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 để đình chỉ đối với yêu cầu đó.

[5]. Về án phí: Ông Dương Thanh H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Dương Thanh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 2 Nghị quyết 103/2015/QH ngày 25/11/2015 của Quốc Hội.

Điều 467 Bộ luật dân sự 1995. Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh H yêu cầu Ông Nguyễn Văn T phải trả ông 4.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng từ ngày 13/8/2000 đến năm 2005. Từ năm 2006 cho đến khi xét xử sơ thẩm thì theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước và lãi quá hạn.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Dương Thanh H yêu cầu Ông Nguyễn Văn T trả ông số tiền 7.000.000 đồng.

[2]. Về án phí: Ông Dương Thanh H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã kí)

Bạch Đăng Thi

